

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 12/2022/HS-ST

Ngày: 14 - 4 - 2022.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Bé Thi.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tấn Phúc.

Bà Võ Thị Kim Loan.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HS ngày 24-3-2022 đối với:

- *Các bị cáo:*

1. **Nguyễn Văn L**, sinh năm: 1992, tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Thanh T1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24-11-2021.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Huỳnh Duy T**, sinh năm: 2000, tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: Ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh T2 và bà Đinh Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Bị Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp giáo dục tại xã

thời hạn 03 tháng, theo quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 15-12-2020. Ngày 01-6-2021 bị Công an xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt ngày 07-6-2021; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24-11-2021.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1973; nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Ngọc H2, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp T, xã A, thành phố T, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Cao N, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

4. Ông Huỳnh Thanh T3, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 26/10/2021, Huỳnh Duy T điều khiển xe mô tô BKS: 63B3 – 484.83 chở Nguyễn Văn L từ huyện T, tỉnh Tiền Giang đến khu vực gần cầu vượt số 10 để giải quyết công việc. Khoảng 10 giờ cùng ngày sau khi xong việc, do cần tiền tiêu xài, L nói với T “*đi đường trong coi có gì lấy bán kiếm tiền xài*” thì T đồng ý.

T chở L đi lòng vòng qua nhiều nơi, khi đến địa bàn thuộc ấp B, xã L1, huyện P, tỉnh Tiền Giang thì L phát hiện xe mô tô BKS: 69F1 – 467.01 của bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1973, ĐKTT: ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang đang dựng trong khu vườn trồng mít không người trông coi. L kêu T dừng lại để L vào lấy trộm xe, còn T đỗ xe bên ngoài cánh giới. Khi đến vị trí xe 69F1 – 467.01 thấy có sẵn chìa khóa xe, nên L điều khiển xe chạy đi trước, còn T điều khiển xe 63B3 – 484.83 chạy theo sau. Đi được một đoạn, L điện thoại cho anh Lê Ngọc H2, sinh năm 1994, ĐKTT: ấp T, xã A, thành phố T, tỉnh Tiền Giang để bán xe

vừa trộm được, anh H2 đồng ý nên L và T cùng nhau đến gặp anh H2 để bán xe. Sau khi kiểm tra xe, anh H2 đồng ý mua giá 3.000.000 đồng, anh H2 đưa trước 1.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng sẽ đưa sau. L và T đồng ý và giao xe cho anh H2, số tiền bán xe có được L và T chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi có được xe 69F1 – 467.01, anh H2 bán xe cho anh Nguyễn Cao N, sinh năm 1992, ĐKTT: ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang với giá 3.000.000 đồng. Anh N cho chị Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1993, ĐKTT: ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang mượn sử dụng. Do biết xe có liên quan đến vụ án, chị T2 đã tự nguyện giao nộp xe cho Cơ quan điều tra Công an huyện P xử lý theo quy định.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 355/KL-HĐĐGTS ngày 16/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên tuyên trong tổ tụng huyện Tân Phước thì giá trị còn lại của xe mô tô BKS: 69F1 – 467.01 là 15.750.000 đồng.

Thu giữ và xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô 2 bánh BKS: 69F1 – 467.01, hiệu Honda – Wave RSX màu đỏ - đen, số máy: JA38E0404777, số khung: 3822JY002778. Xe do ông Phạm Minh U, sinh năm 1968, ĐKTT: ấp LB, xã Đ, huyện D, tỉnh Cà Mau đăng ký sở hữu, bà H1 mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định. Cơ quan điều tra đã trao trả xe cho bà Trần Thị Thu H1.

- 01 xe mô tô 2 bánh BKS: 63B3 – 484.83, loại Honda – Future màu đỏ, đã qua sử dụng. Xe này do ông Huỳnh Thanh T3, sinh năm 1974, ĐKTT: ấp h, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (cha của bị cáo T) đăng ký sở hữu, việc T và L sử dụng xe này làm phương tiện phạm tội ông T3 không biết, nên Cơ quan điều tra trao trả xe cho ông Huỳnh Thanh T3.

- 01 điện thoại di động có chữ Nokia màu đen, loại bàn phím, Model: TA-1174 đã qua sử dụng. Đây là điện thoại bị cáo L dùng để liên lạc với anh H2 thỏa thuận bán xe;

Số tiền Việt Nam **1.500.000 đồng** do gia đình bị cáo T giao nộp. Viện kiểm sát ra quyết định chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước chờ xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Trần Thị Thu H1 đã nhận lại xe bị chiếm đoạt, nên không yêu cầu gì khác về phần trách nhiệm dân sự. Anh Lê Ngọc H2 và anh Nguyễn Cao N không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Kết quả điều tra, bị cáo L và bị cáo T cho rằng khi mua xe 69F1 – 467.01, thì Lê Ngọc H2 biết rõ xe là do các bị cáo trộm cắp mà có. Tuy nhiên, H2 xác định không biết rõ xe là do các bị cáo trộm cắp mà có. Ngoài lời khai của bị cáo L và T ra thì không còn chứng cứ nào khác để chứng minh. Do đó, không có cơ sở để quy kết trách nhiệm hình sự đối với Lê Ngọc H2 và Nguyễn Cao N

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận: Khoảng 10 giờ ngày 26-10-2021 tại khu vườn trồng mít thuộc ấp B, xã L 1, huyện P, tỉnh Tiền Giang, Nguyễn Văn L và Huỳnh Duy T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô 02 bánh biển kiểm soát 69F1 – 467.01 của bà Trần Thị Thu H1, trị giá tài sản chiếm đoạt là 15.750.000 đồng.

Bị hại bà Trần Thị Thu H1 khai nhận: Vào ngày 26-10-2021, bà bị mất trộm tài sản là 01 xe mô tô 02 bánh biển kiểm soát 69F1 – 467.01, bà đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Ngọc H2 khai nhận: Ngày 26-10-2021, anh có mua 01 xe mô tô 02 bánh biển kiểm soát 69F1 – 467.01 của bị cáo L, bị cáo T với giá 3.000.000 đồng, sau đó anh bán xe này lại cho anh Nguyễn Cao N với giá là 3.000.000 đồng, nhưng anh không biết đây là tài sản do hai bị cáo phạm tội mà có; anh không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Cao N khai nhận: Anh có mua 01 xe mô tô 02 bánh biển kiểm soát 69F1 – 467.01 với giá 3.000.000 đồng từ anh Lê Ngọc H2, nhưng anh không biết đây là tài sản do hai bị cáo phạm tội mà có; anh không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thanh T2 khai nhận: Chị có mượn xe mô tô 02 bánh biển kiểm soát 69F1 – 467.01 của anh Nguyễn Cao N để sử dụng. Sau khi biết đây là tài sản có liên quan đến vụ án nên chị đã giao nộp xe cho Cơ quan Công an huyện Tân Phước, chị không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh T3 khai nhận: Xe mô tô 2 bánh BKS: 63B3 – 484.83 là xe của ông, ông không biết việc T và L dùng xe của ông làm phương tiện đi trộm tài sản, ông đã nhận lại xe, không có yêu cầu gì.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKSTP ngày 18-3-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Huỳnh Duy T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận về hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước đã truy tố đối với bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh T3: Không yêu cầu các bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự và không yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 24-11-2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Duy T từ 09 tháng đến 01 năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 24-11-2021.

Về vật chứng của vụ án: Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động có chữ Nokia màu đen, loại bàn phím, Model: TA-1174 đã qua sử dụng. Đây là điện thoại bị cáo L dùng để liên lạc với anh H2 thỏa thuận bán xe.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên đề nghị không xem xét.

Đối với số tiền các bị cáo thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng, buộc các bị cáo nộp sung ngân sách nhà nước. Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.500.000 đồng thu lợi bất chính do gia đình bị cáo T cho bị cáo đã nộp, buộc bị cáo L nộp sung vào ngân sách nhà nước 1.500.000 đồng thu lợi bất chính.

Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo L: Bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T: Bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, bị hại bà Trần Thị Thu H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Ngọc H2, anh Nguyễn Cao N, chị Nguyễn Thanh T2 cùng vắng mặt không có lý do. Xét thấy bà H1, anh H2, anh N, chị T2 đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và không yêu cầu về trách nhiệm dân sự. Việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phước, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 08 giờ ngày 26-10-2021, bị cáo Nguyễn Văn L và Huỳnh Duy T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô 02 bánh biển kiểm soát 69F1 – 467.01 của bà Trần Thị Thu H1, trị giá tài sản chiếm đoạt là 15.750.000 đồng. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn L, Huỳnh Duy T phạm tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước truy tố đối với các bị cáo là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Nhằm mục đích có tiền tiêu xài, phục vụ cho lợi ích cá nhân, các bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và nhân thân của các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo L là người rủ rê và trực tiếp thực hiện tội phạm, bị cáo T là người giúp sức. Do đó, bị cáo L phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo T.

Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo có nhân thân xấu;

Bị cáo L: Bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang xử phạt 6 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, theo bản án số 37/2009/HS-ST ngày 23/02/2009, đã được xóa án tích.

Bị cáo T: Bị Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 03 tháng, theo quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 15-12-2020. Ngày 01-6-2021 bị Công an xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt ngày 07-6-2021.

[6]. Với tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống chung với xã hội một thời gian, nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và nhằm răn đe, đấu tranh, phòng ngừa chung.

[7]. Bị cáo L và bị cáo T cho rằng khi mua xe mô tô 02 bánh biển kiểm soát 69F1 – 467.01, thì Lê Ngọc H2 biết rõ xe là do các bị cáo trộm cắp mà có. Tuy nhiên, H2 xác định không biết rõ xe là do các bị cáo trộm cắp mà có. Ngoài lời khai của bị cáo L và bị cáo T ra thì không còn chứng cứ nào khác để chứng minh.

Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý Lê Ngọc H2, Nguyễn Cao N về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có cơ sở.

[8]. Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Điều tra đã thu giữ và xử lý xong.

Riêng tài sản đang bị tạm giữ là 01 điện thoại di động có chữ Nokia màu đen, loại bàn phím, Model: TA-1174 đã qua sử dụng. Đây là điện thoại bị cáo L dùng để liên lạc với anh H2 thỏa thuận bán xe, Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9]. Đối với số tiền các bị cáo bán xe mô tô 2 bánh BKS: 69F1 – 467.01 cho anh Lê Ngọc H2 được 3.000.000 đồng, anh H2 không yêu cầu các bị cáo trả lại. Đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc các bị cáo phạm tội mà có, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo nộp ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.500.000 đồng thu lợi bất chính do gia đình bị cáo T cho bị cáo đã nộp theo biên lai ngày 14-4-2022; buộc bị cáo L nộp sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.500.000 đồng thu lợi bất chính.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11]. Về án phí: Do các bị cáo bị kết án nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12]. Xét phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Huỳnh Duy T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38, Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 24-11-2021).

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38, Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Duy T 01 (một) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 24-11-2021).

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động có chữ Nokia màu đen, loại bàn phím, Model: TA-1174 đã qua sử dụng (không mở nguồn được).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14-4-2022).

4. Đối với số tiền thu lợi bất chính: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Tịch thu vào ngân sách nhà nước số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) thu lợi bất chính do bà Đinh Thị H đã nộp cho bị cáo Huỳnh Duy T theo ủy nhiệm chi ngày 14-4-2022.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) thu lợi bất chính.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo L, T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo L, T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh T3 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại bà Trần Thị Thu H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Ngọc H2, anh Nguyễn Cao N, chị Nguyễn Thanh T3 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Cơ quan điều tra CAH Tân Phước;
- Cơ quan THAHS huyện Tân Phước;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Bé Thi